

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/08/2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa .
- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 09/08/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai Dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 37/2019/TLST - DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXX - DS ngày 25/06/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 17 ngày 19/07/2019 về việc ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Chị Trần Thị H, sinh năm 1989* (vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

HKTT: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: *Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1987* (vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp : làm ruộng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 25/04/2019 và tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 6 năm 2019, chị H, trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và anh Phạm Văn Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2010 tại UBND xã V. Sau khi kết hôn chị H và anh Đ chung sống ở thôn Đ, xã V cùng với mẹ anh Đ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Chị H xác định như trong bản tự khai do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 2 năm 2019 chị H đã mang theo cháu Phạm Thị Thu T về nhà bố mẹ đẻ chị H ở thôn Y, xã P ở, từ đó không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

2. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh Đ có 3 con chung là Phạm Thị Thu T, sinh ngày 02/5/2011; Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 08/10/2015 cả hai đang ở với anh Đ; còn cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 19/12/2013 ở với chị H từ khi vợ chồng chị H sống ly thân.

Chị H đề nghị Tòa giao cháu Phạm Thị Thu T đang ở với chị H cho chị nuôi. Anh Đ nuôi 2 con là Phạm Thị Thu T, Phạm Thị Thanh H cả hai đang ở với anh Đ.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Anh Đ: Tại lời khai ngày 03 tháng 05 năm 2019 và biên bản hòa giải ngày 25/6/2019, anh Đ trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Anh nhất trí như ý kiến của chị H đã trình bày về diễn biến nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung về công nợ. Riêng về việc ly hôn anh muốn đoàn tụ.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 BLTTDS.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271,

và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55,58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Đ: Anh Đ nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là Phạm Thị Thu T, sinh ngày 02/5/2011 và Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 8/10/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Chị H nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 19/12/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị H, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Đến ngày 25/6/2016 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

3. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2010 tại UBND xã V, huyện N là Hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H chung sống với nhau tại nhà của mẹ anh Đ ở thôn Đ, xã V.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 chị H đã mang theo cháu Phạm Thị Thu T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Y, xã P ở, từ đó không quan tâm gì đến nhau nữa. Từ khi sống ly thân chị H và anh Đ cũng không có biện pháp nào để hàn gắn cảm vợ chồng. Xét khả năng đoàn tụ của hai người thực sự không còn, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cũng như việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Đ. Xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Đ là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 55 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét sự thỏa thuận của chị H và anh Đ là phù hợp với thực tế cuộc sống và quy định của pháp luật.

- Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 19/12/2013.

- Giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 08/10/ 2015 và cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 02/5/2011.

Chị H và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H là công nhân thu nhập ổn định, còn anh Đ ở với mẹ đẻ anh ở thôn Đ, xã V có nhà đất và các điều kiện khác ổn định nên cần công nhận sự thỏa thuận của chị Hiền và anh Đ về việc nuôi con và cấp dưỡng .

(Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về tài sản chung, về công nợ chung: Chị H và anh Đ tự giải quyết Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của Pháp luật. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và Anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Đ về con chung.

Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 19/12/2013 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 08/10/2015 và cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 02/5/2011 cho đến khi các cháu H, T đủ 18 tuổi.

Chị H và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con

mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

. **3. Về tài sản chung, về công nợ chung:** Không giải quyết về tài sản chung, về công nợ chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000đ, chị H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000052 ngày 26/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm chị H và anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã V;
- Dương sự;
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực